

Số /QĐ-BVKVDL

Đắk Pék, ngày 12 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin
trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐẮK GLEI

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thành lập 19 Bệnh viện Đa khoa khu vực trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 142/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc;

Căn cứ Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí về ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở khám, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp - Điều dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;
- Lãnh đạo BVĐKKV Đắk Glei;
- Trang thông tin điện tử đơn vị; .
- Lưu: VT, KHTH-ĐD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC ĐẮK GLEI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVKVDL ngày 12/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định bảo đảm an toàn thông tin mạng nội bộ, bao gồm: Bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ hệ thống thông tin mạng nội bộ, giám sát an toàn hệ thống thông tin nội bộ, ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng nội bộ, bảo đảm an toàn thông tin trong nội bộ, quy trình ứng cứu, khắc phục sự cố mạng, quản lý và sử dụng thiết bị y tế, thiết bị văn phòng, lưu trữ dữ liệu người bệnh, dữ liệu tài chính kế toán và các loại văn bản quan trọng khác của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

2. Quy định chi tiết và hướng dẫn về công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức, người lao động đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vận hành, khai thác các hệ thống thông tin nội bộ tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei quy định tại Khoản 1 Điều này.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin (CNTT), Internet; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có tham gia vào các hoạt động ứng dụng CNTT tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei thuộc Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. An toàn thông tin nội bộ là bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nội bộ nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Việc bảo vệ thông tin nội bộ, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nội bộ nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng,

phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. An toàn thông tin nội bộ bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng, đặc biệt an toàn thông tin bệnh nhân.

2. Hệ thống thông tin nội bộ Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei là tập hợp thiết bị phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu nhập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin.

3. Xâm phạm an toàn thông tin nội bộ Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei là hành vi truy cập, sử dụng, tiết lộ, làm gián đoạn, sửa đổi, làm sai lệch chức năng, phá hoại trái phép thông tin và hệ thống thông tin trong đơn vị.

4. Nguy cơ mất an toàn trong thông tin là những nhân tố bên trong hoặc bên ngoài có khả năng ảnh hưởng tới trạng thái an toàn thông tin.

5. Đánh giá rủi ro an toàn thông tin nội bộ là việc xác định, phân tích nguy cơ mất an toàn thông tin nội bộ có thể và có dự báo mức độ, phạm vi ảnh hưởng và khả năng gây thiệt hại khi xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nội bộ.

6. Quản lý rủi ro an toàn thông tin là việc thực hiện đánh giá rủi ro an toàn thông tin, xác định yêu cầu bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin và áp dụng giải pháp phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại khi có sự cố mất an toàn thông tin.

7. Mạng là khái niệm chung dùng để chỉ mạng LAN, mạng viễn thông cố định, di động và mạng Internet.

8. Phần mềm độc hại là phần mềm có khả năng gây ra hoạt động không bình thường cho một hay một phần hay toàn bộ hệ thống thông tin hoặc thực hiện sao chép, sửa đổi, xóa bỏ trái phép thông tin lưu trữ trong hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

9. Địa chỉ điện tử là địa chỉ được sử dụng để gửi, nhận thông tin trên mạng.

10. Sản phẩm an toàn thông tin là thiết bị phần cứng, phần mềm an toàn thông tin được sử dụng trong phạm vi Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

11. Tính tin cậy là bảo đảm thông tin chỉ có thể được truyền nhập bởi những người được cấp quyền sử dụng trong phạm vi Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

12. Tính toàn vẹn là bảo vệ sự chính xác và đầy đủ thông tin và các phương pháp xử lý.

13. Tính sẵn sàng là bảo đảm những người được cấp quyền có thể truy nhập thông tin và các tài sản liên quan ngay khi có nhu cầu.

14. Cấu hình chuẩn là cấu hình được các nhà sản xuất thiết bị, phần mềm, khuyến nghị áp dụng, nhằm loại bỏ các xung đột, lỗi hỏng có thể xảy ra trong quá trình cấu hình thiết bị.

15. Cổng giao tiếp (Port) là để định danh các ứng dụng gửi và nhận dữ liệu, mỗi ứng dụng sẽ tương ứng với một cổng giao tiếp, những ứng dụng phổ

biến được đặt với số hiệu công định trước, nhằm định danh duy nhất các ứng dụng đó. Khi máy tính sử dụng dịch vụ nào thì cổng giao tiếp tương ứng với dịch vụ đó sẽ mở.

16. Giao thức là tập hợp các quy tắc, quy ước hệ thống của mạng mà tất cả các thực thể tham gia hệ thống phải tuân theo.

17. Bản ghi nhật ký hệ thống (Logfile) là mỗi tập tin được tạo ra trên mỗi thiết bị của hệ thống thông tin như tường lửa, cân bằng tải, máy chủ ứng dụng... có chứa tất cả các thông tin về các hoạt động xảy ra trên thiết bị đó. Bản ghi nhật ký hệ thống dùng để phân tích những sự kiện đã xảy ra, nguồn gốc và các kết quả để có các biện pháp xử lý thích hợp.

18. Mạng Wifi chuyên dụng là mạng chỉ cấp sử dụng riêng biệt cho nhân viên Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

19. Mạng Wifi miễn phí là mạng được cung cấp cho tất cả người bệnh, người nhà người bệnh, các đối tượng có liên quan đến làm việc công tác tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 4. Quy chế an toàn an ninh hệ thống thông tin

1. Tổ Công nghệ thông tin phải xây dựng quy chế an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với hệ thống công nghệ thông tin, cơ cấu tổ chức, yêu cầu quản lý và hoạt động của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei. Quy chế an toàn an ninh thông tin phải được Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei ký ban hành, tổ chức thực hiện, triển khai trong toàn đơn vị.

2. Quy chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin quy định về các nội dung cơ bản sau:

- a) Quản lý bệnh án điện tử.
- b) Quản lý tài sản về ứng dụng CNTT.
- c) Quản lý nguồn nhân lực tham gia khai thác sử dụng hệ thống CNTT.
- d) Bảo đảm an toàn về mặt tâm lý và môi trường ứng dụng.
- đ) Quản lý vận hành hệ thống CNTT.
- e) Quản lý truy cập vào các hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.
- g) Quản lý dịch vụ CNTT của bên thứ ba.
- h) Quản lý tiếp nhận, phát triển, duy trì hệ thống thông tin.
- i) Quản lý sự cố CNTT.
- k) Quản lý sao lưu dữ liệu, bảo đảm an toàn dữ liệu.
- l) Bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống CNTT của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.
- m) Kiểm tra, báo cáo hoạt động ứng dụng CNTT.

3. Tổ Công nghệ thông tin chủ trì rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện quy chế an toàn an ninh thông tin trong ứng dụng CNTT tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei tối thiểu mỗi năm một lần, bảo đảm sự đầy đủ của quy chế theo các quy định tại Quy chế này. Khi phát hiện những bất cập, bất hợp lý gây ra mất an toàn an ninh thông tin trên hệ thống CNTT hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị phải tiến hành chỉnh sửa, bổ sung ngay quy chế an toàn, bảo mật hệ thống CNTT đã ban hành.

4. Công tác bảo đảm an toàn an ninh thông tin phải được thực hiện trên cơ sở có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổ Công nghệ thông tin, Phòng Kế hoạch tổng hợp – Điều dưỡng, các khoa, phòng và cá nhân có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM AN TOÀN AN NINH THÔNG TIN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐẮK GLEI

Điều 5. Bảo vệ thông tin chung và thông tin cá nhân

1. Viên chức, người lao động có trách nhiệm tự bảo vệ thông tin chung và thông tin cá nhân của mình và tuân thủ các quy định tại Luật An ninh mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Khi tham gia khai thác, sử dụng, các hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và các phần mềm ứng dụng dùng chung của đơn vị, phải có trách nhiệm:

a) Quản lý và chịu trách nhiệm về bảo vệ thông tin chung và thông tin cá nhân đã được khai báo trong các hệ thống thông tin. không tiết lộ tài khoản và mật khẩu đăng nhập, đầu mối, truy cập trái phép và các phần mềm dùng chung của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei, đặc biệt là thông tin người bệnh trong phần mềm của đơn vị.

b) Phải thực hiện việc đổi mật khẩu ngay sau khi được cấp tài khoản truy cập vào các phần mềm dùng chung của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

c) Khi khai thác, sử dụng các phần mềm dùng chung của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei tại các điểm truy cập Internet công cộng, tuyệt đối không đặt chế độ lưu trữ mật khẩu trong quá trình sử dụng.

2. Các khoa, phòng, cá nhân khi xử lý thông tin và thông tin cá nhân phải tuân thủ đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật An ninh mạng và các quy định sau:

a) Quản lý và phân quyền truy cập trong các phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người tham gia quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

b) Khi viên chức, người lao động đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác, các khoa, phòng phải thực hiện việc thu hồi các thiết bị CNTT liên quan (chữ ký số,

khóa tên đăng nhập, mật khẩu các phần mềm, xóa phần mềm ứng dụng trên máy cá nhân nếu có). đồng thời phải thông báo ngay bằng văn bản đến Tổ Công nghệ thông tin, quản trị phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để thực hiện các biện pháp kỹ thuật cập nhật lại, khóa hoặc hủy tài khoản người dùng.

3. Tổ Công nghệ thông tin thực hiện công tác quản lý về bảo vệ các thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei trên mạng nội bộ theo các nội dung quy định.

Điều 6. Quản lý vận hành trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

1. Đối với lãnh đạo và Trưởng khoa, phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

a) Trang bị đầy đủ các kiến thức bảo mật cơ bản cho viên chức trước khi cho phép truy nhập và sử dụng hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

b) Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện để nhân viên công nghệ thông tin học tập, tiếp thu công nghệ, kiến thức an toàn thông tin, xây dựng các phương án phòng chống truy cập trái phép, hiệu quả.

c) Hàng năm, xác định các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin trong hệ thống (mở rộng, nâng cấp trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT...) để chỉ đạo các bộ phận liên quan bố trí kinh phí duy trì hoạt động bảo đảm an toàn thông tin trong Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

2. Tổ Công nghệ thông tin

a) Tham mưu cho Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei triển khai thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin của đơn vị. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các kiến thức về an toàn, an ninh thông tin, có biện pháp phòng tránh các nguy cơ tiềm ẩn có thể gây mất thông tin khi tiến hành các hoạt động quản lý hay kỹ thuật nghiệp vụ.

b) Thường xuyên cập nhật cấu hình chuẩn cho các thành phần của hệ thống thông tin, thiết lập cấu hình chặt chẽ nhất những vấn đề đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

c) Khi thiết lập cấu hình hệ thống thông tin chỉ cung cấp những chức năng thiết yếu nhất. xác định các chức năng, cổng giao tiếp mạng, giao thức, và dịch vụ không cần thiết để cấm hoặc hạn chế sử dụng.

d) Thường xuyên thực hiện việc theo dõi bản ghi nhật ký hệ thống và các sự kiện khác có liên quan để đánh giá, báo cáo các rủi ro và mức độ nghiêm trọng các rủi ro đó. Các rủi ro đó có thể xảy ra do sự truy cập trái phép, sử dụng trái phép, mất, thay đổi hoặc phá hủy thông tin và hệ thống thông tin.

e) Kiểm soát chặt chẽ cài đặt phần mềm vào máy trạm và máy chủ của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

3. Đối với viên chức, người lao động Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

a) Thường xuyên cập nhật những chính sách, thủ tục an toàn thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và thực hiện đúng hướng dẫn về an toàn, an ninh thông tin của Tổ Công nghệ thông tin.

b) Hạn chế việc sử dụng chức năng chia sẻ tài nguyên, khi sử dụng chức năng này cần bật thuộc tính bảo mật bằng mật khẩu và thu hồi chức năng này khi đã sử dụng xong.

c) Các máy tính khi không sử dụng trong thời gian dài (quá 4 giờ làm việc) cần tắt máy hoặc ngưng kết nối mạng để tránh bị các tin tặc lợi dụng, sử dụng chức năng điều khiển từ xa dùng máy tính của mình tấn công vào các hệ thống thông tin khác.

d) Phải thực hiện quét vi rút trước khi mở các tập tin đính kèm theo thư điện tử, không mở các thư điện tử khi chưa rõ người gửi hoặc tập tin đính kèm có nguồn gốc không rõ ràng để tránh virus, phần mềm gián điệp lây nhiễm máy tính.

e) Phải đặt mật khẩu cho máy tính (mật khẩu đăng nhập, mật khẩu bảo vệ màn hình). Không sử dụng các thiết bị lưu trữ thông tin (USB, ổ cứng gắn ngoài, thẻ nhớ). Không bảo đảm an toàn để sao chép vào các máy tính của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei để phòng ngừa vi rút, phần mềm gián điệp xâm nhập máy tính phá hoại, đánh cắp thông tin cũ.

Điều 7. Giám sát an toàn hệ thống thông tin mạng

1. Đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei: Tổ chức thực hiện việc giám sát an toàn hệ thống thông tin của đơn vị. Nội dung và đối tượng được giám sát thực hiện theo quy định tại Luật An ninh mạng; thực hiện việc lưu trữ nhật ký tình trạng hoạt động của các hệ thống thông tin tại các máy chủ trong thời gian ít nhất là 30 ngày để phục vụ các công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

2. Đối với các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ viễn thông, CNTT, Internet có trách nhiệm thực hiện theo quy định Luật An ninh mạng.

Điều 8. Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng

1. Tổ Công nghệ thông tin

a) Chủ trì, phối hợp với các khoa, phòng liên quan để tham mưu xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án bảo vệ hệ thống thông tin, sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia thực hiện các nội dung ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng trong phạm vi quản lý.

b) Xử lý, khắc phục các vụ việc liên quan đến các sai sót trong, tắc, nghẽn mạng.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, CNTT, Internet cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei có trách nhiệm ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng trong phạm vi thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 9. Quản lý dữ liệu (phòng máy chủ)

1. Các thiết bị mạng quan trọng như tường lửa (Firewall), thiết bị định tuyến (Router), hệ thống máy chủ phải được đặt trong phòng máy chủ và có các biện pháp bảo vệ, ngăn chặn xâm nhập trái phép vào phòng máy chủ. Đối với các điểm tập trung cable bên ngoài phòng máy chủ (tại các khoa, phòng) phải có biện pháp bảo vệ, ngăn chặn xâm nhập trái phép.

2. Phòng máy chủ của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei là khu vực hạn chế tiếp cận và được lắp đặt hệ thống camera giám sát. Chỉ những người có trách nhiệm theo phân công của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei mới được phép vào phòng máy chủ.

3. Phòng máy chủ phải có hệ thống lưu điện đủ công suất và duy trì thời gian hoạt động của các máy chủ tối thiểu 20 phút khi có sự cố mất điện.

4. Phòng máy chủ phải có hệ thống giám sát nhiệt độ, độ ẩm để bảo đảm môi trường vận hành, hệ thống cảnh báo cháy, thiết bị phòng cháy chữa cháy khẩn cấp, hệ thống cảnh báo hệ thống nguồn điện, hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống giám sát an ninh vào ra. Tất cả các cảnh báo này được gửi đến các cá nhân có trách nhiệm quản lý qua tin nhắn SMS hoặc thư viện điện tử, cử viên chức thường xuyên giám sát hệ thống thiết bị, hạ tầng của phòng máy chủ.

Điều 10. Quy định đăng bài lên website Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

1. Nội dung bài viết, hình ảnh về các hoạt động của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei cần phải được Giám đốc phê duyệt, sau đó Tổ Biên tập trang thông tin điện tử (Website) mới được đăng bài lên website của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

2. Tổ Biên tập trang thông tin điện tử có trách nhiệm đăng tải các nội dung đã duyệt lên trên website.

3. Tổ Biên tập trang thông tin điện tử, Tổ Công nghệ thông tin theo giám sát các hoạt động website Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei có phương án đảm bảo hoạt động ổn định.

Điều 11. Quy định về quản lý và kiểm soát truy cập vật lý

1. Đối với thiết bị CNTT

a) Mỗi cá nhân, khoa, phòng có trách nhiệm quản lý trang thiết bị CNTT (máy vi tính, máy in, thiết bị ngoại vi...) được giao sử dụng, tự quản lý dữ liệu

trên máy tính của cá nhân, tự quyết định việc chia sẻ tài nguyên với các máy tính khác trong mạng LAN theo đúng quy định.

b) Tổ Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đánh giá sự hoạt động của máy chủ, máy trạm, các thiết bị mạng và các thiết bị ngoại vi theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. thực hiện việc sao lưu dữ liệu thường xuyên. các thiết bị CNTT phải thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đột xuất, giảm thiểu tối đa các sự cố kỹ thuật.

c) Máy vi tính chứa dữ liệu quan trọng và thường xuyên kết nối Internet phải cài đặt các phần mềm diệt vi rút có bản quyền. có cơ chế bảo vệ thư mục vào tập tin khi chia sẻ tài nguyên dùng chung, và được update theo đúng quy định.

d) Máy tính và các thiết bị CNTT để nơi an toàn, tránh ảnh hưởng của các tác nhân bên ngoài như nắng, mưa.... không để các tài liệu, vật liệu dễ cháy gần máy tính và các thiết bị CNTT để tránh xảy ra cháy nổ, thường xuyên vệ sinh cho máy vi tính, kiểm tra theo dõi sự hoạt động của máy vi tính và các thiết bị... Khi không sử dụng nên tắt máy vi tính và các thiết bị nhằm tiết kiệm điện và phòng, chống các xâm nhập trái phép.

e) Trong quá trình sử dụng các thiết bị CNTT, khi có sự cố xảy ra đối với các thiết bị CNTT, người sử dụng thiết bị CNTT thông báo với Tổ Công nghệ thông tin. Nếu sự cố nhỏ không phải thay thế hoặc sửa chữa linh kiện thì viên chức được giao phụ trách CNTT xử lý trực tiếp. Nếu có sự cố lớn, cần phải thay thế linh kiện để sửa chữa thì cá nhân, khoa, phòng trực tiếp quản lý kiểm tra tình trạng máy gửi về Tổ Công nghệ thông tin để tổng hợp trình Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei phê duyệt phương án sửa chữa, thay thế, tuyệt đối không được chuyển cho các tập thể, các nhân bên ngoài khi chưa được sự cho phép của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

2. Hệ thống mạng LAN

a) Viên chức, người lao động của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei khi tham gia vào mạng LAN không được tự ý thay thế các tham số mạng. Nếu tự ý thay đổi tham số mạng thì người thay thế phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Trường hợp cần thiết phải thay đổi tham số mạng, phải báo cáo viên chức phụ trách CNTT của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei để biết xử lý.

b) Tổ Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đánh giá sự hoạt động của máy chủ, máy trạm, các thiết bị mạng, máy in và các thiết bị khác theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đột xuất, giảm tối đa các sự cố kỹ thuật. kết nối mạng Internet cho các khoa, phòng khi có yêu cầu của cấp trên.

c) Hàng tháng, hàng quý, Tổ Công nghệ thông tin phải đề xuất kế hoạch mua sắm các thiết bị CNTT để thay thế, sửa chữa kịp thời bảo đảm an toàn cho các máy tính luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 12. Sao lưu dữ liệu

1. Phân loại dữ liệu sao lưu

a) Dữ liệu hệ thống bao gồm các loại thông tin, dữ liệu cài đặt như: cấp phát tài khoản và địa chỉ IP mạng, đưa thông tin lên website của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

b) Dữ liệu các ứng dụng dùng chung được cài đặt trên máy chủ dữ liệu tính bảo đảm an toàn an ninh thông tin như: phần mềm quản lý tổng thể Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei EMR HIS, phần mềm kế toán MISA, website Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei...

c) Các dữ liệu khác cài đặt trên máy tính cá nhân do viên chức các khoa, phòng soạn thảo, tạo lập tên các máy tính trong mạng nội bộ.

2. Quy định thiết bị sao lưu

a) Đối với dữ liệu hệ thống: Sử dụng chức năng sao lưu dự phòng lưu vào hệ thống NAS, hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ đặt tại VNPT có khoảng cách $\geq 30\text{km}$ theo quy định.

b) Đối với các dữ liệu khác: các dữ liệu cần lưu trữ, của các khoa, phòng tự sao chép vào các thiết bị lưu trữ để bảo đảm dữ liệu ít nhất lưu trữ ở hai nơi để phòng ô đĩa cứng của máy tính bị hỏng.

3. Định kỳ sao lưu

a) Sao lưu tại máy chủ: Sao lưu toàn bộ dữ liệu HIS, LIS, PACS, phần mềm quản lý điều hành vào 23 giờ 00 phút hàng ngày tại phân vùng trên một máy chủ khác. Tùy vào mức độ quy định thời hạn mỗi loại thông tin, dữ liệu cần sao lưu.

b) Đối với dữ liệu hệ thống (Dữ liệu máy chủ): Sao lưu hằng ngày vào thời điểm cuối ngày làm việc.

c) Đối với các dữ liệu khác: Sao lưu khi có thay đổi thông tin.

Quá trình sao lưu dữ liệu được thực hiện như sau:

- Backup database: Backup 2 lần/ngày.

+ 12 giờ hằng ngày: Backup lưu tại “D:\Backup”, xóa file backup trong vòng hai tuần. máy chủ local.

+ 23 giờ hằng ngày: Backup lưu tại “D:\Backup” máy chủ Local.

+ Backup dữ liệu phát sinh hằng ngày vào NAS: 20 phút/lần/ngày.

- Backup hằng ngày toàn bộ dữ liệu từ máy chủ xuống NAS theo cơ chế “Map network driver” bằng phần mềm Handy backup đối với cơ sở dữ liệu, đối với dữ liệu khác sử dụng tool do chính phần mềm EMRHIS cung cấp.

- Đồng bộ dữ liệu bệnh án điện tử 20 phút/lần.

- Backup các dữ liệu phát sinh hằng ngày lên hệ thống lưu trữ dự phòng (storage tại VNPT).
- Backup hằng ngày vào 23 giờ 00 phút hằng ngày.
- Đồng bộ dữ liệu bệnh án điện tử 20 phút/lần.

Việc sao lưu phục hồi dữ liệu phải được thực hiện theo đúng quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu hệ thống dữ liệu của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 13. Quy định về phòng chống mã độc, vi rút

1. Tất cả các máy trạm, máy chủ phải được trang bị phần mềm phòng chống mã độc vi rút. Các phần mềm phòng chống mã độc phải được thiết lập chế độ cập nhật, chế độ tự động quét mã độc khi sao chép, mở các tập tin.
2. Viên chức thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei phải được hướng dẫn về phòng chống mã độc, các rủi ro do mã độc gây ra, không được tự ý cài đặt hoặc gỡ bỏ các phần mềm trên máy trạm khi chưa có sự đồng ý của người có thẩm quyền theo quy định của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.
3. Tất cả các máy tính của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei phải được cấu hình nhằm vô hiệu hóa tính năng tự động thực thi (autoplay) các tập tin trên các thiết bị lưu trữ di động.
4. Tất cả các tập tin, thư mục phải được quét mã độc trước khi sao chép sử dụng.
5. Khi phát hiện ra bất kỳ dấu hiệu nào liên quan đến việc bị nhiễm mã độc trên máy trạm (ví dụ: máy hoạt động chậm bất thường, cảnh báo từ phần mềm phòng chống mã độc, mất dữ liệu), người sử dụng phải tắt máy và báo trực tiếp cho Tổ Công nghệ thông tin để kịp thời xử lý.

Điều 14. Quy định đảm bảo an toàn bảo mật với hồ sơ bệnh án điện tử

Việc truy cập, chia sẻ thông tin trong hồ sơ bệnh án điện tử cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định.

Hồ sơ bệnh án điện tử phải có biện pháp kiểm soát truy cập của người dùng gồm xác thực người dùng, phần mềm người dùng theo từng vai trò công việc, thiết lập khoảng thời gian cho phép người dùng truy cập vào phần mềm, bảo vệ, ngăn chặn việc truy cập trái phép vào hồ sơ bệnh án điện tử.

Việc truy cập hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei được thực hiện theo quy định và Quy chế khai thác, sử dụng bệnh án điện tử của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Hồ sơ bệnh án điện tử phải được sử dụng các giải pháp mã hóa để lưu trữ và được sao lưu backup trên hệ thống lưu trữ của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và sao lưu dự phòng ở một đơn vị dữ liệu ở ngoài, sẵn sàng phục hồi khi có sự cố thiên tai. Việc sao lưu phục hồi dữ liệu phải được thực hiện theo

đúng quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu hệ thống dữ liệu Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Triển khai ứng dụng chữ ký số, chữ ký điện tử trong hồ sơ bệnh án điện tử để bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực và tính chống chối bỏ trong hồ sơ bệnh án điện tử.

Nghiêm cấm truy cập, sao chép hồ sơ bệnh án điện tử khi chưa có sự đồng ý của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei ban hành các phương án ngăn chặn tấn công và hệ thống hồ sơ của bệnh án điện tử cũng như hệ thống thông tin của đơn vị.

Điều 15. Mua sắm, trang bị máy tính, thiết bị công nghệ thông tin có liên quan đến an toàn thông tin mạng

1. Trong quá trình mua sắm trang thiết bị cho hệ thống, đơn vị cần tuân thủ quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

2. Việc đầu tư mua sắm các thiết bị CNTT, máy tính, mạng máy tính... phải có ý kiến thẩm định chuyên môn của Tổ Công nghệ thông tin về tiêu chí bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Điều 16. Quy trình phối hợp ứng cứu sự cố mạng bảo đảm an toàn thông tin số trong đơn vị

1. Quy trình xử lý khẩn cấp

Khi phát hiện hệ thống nguy cơ mất an toàn thông tin như hệ thống hoạt động chậm bất thường, không truy cập được hệ thống ứng dụng, phần mềm quản lý tổng thể đơn vị, phần mềm quản lý xét nghiệm, phần mềm quản lý và truyền tải hình ảnh PACS... nội dung trang thông tin điện tử hoặc giao diện ứng dụng bị thay đổi, các sự cố khác có liên quan... Thực hiện các bước cơ bản:

Bước 1: Ngắt kết nối hệ thống máy chủ ra khỏi hệ thống mạng, báo cáo sự cố đến Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và thông báo ngay cho toàn thể viên chức thuộc đơn vị để kịp thời để có phương án khám và điều trị cho người bệnh.

Bước 2: Sao chép nhật ký truy cập của người dùng (logfile) và toàn bộ dữ liệu của hệ thống ra thiết bị lưu trữ (phục vụ công tác phân tích).

Bước 3: Khôi phục lại hệ thống, hoặc sử dụng hệ thống dự phòng và chuyển dữ liệu sao lưu dự phòng (backup) mới nhất để hệ thống hoạt động.

Bước 4: Tổng hợp, báo cáo sự cố và nội dung khắc phục gửi về Tổ Công nghệ thông tin để tổng hợp và báo cáo Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei toàn bộ nội dung sự cố.

2. Nguyên tắc phối hợp trong ứng dụng sự cố

- Thực hiện các bước khắc phục sự cố theo Khoản 1 Điều này.
- Các sự cố vượt quá khả năng xử lý của phòng, phòng liên hệ với các đối tác để kịp thời khắc phục hỗ trợ và thực hiện báo cáo sự cố mạng (mẫu phụ lục) gửi kèm theo.
- Tổng hợp báo cáo sự cố theo định kỳ 06 tháng một lần và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.
- Tiếp nhận thông tin, báo cáo sự cố mất an toàn thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.
- Phản hồi cho các khoa, phòng, cá nhân gửi thông báo, qua các báo cáo sự cố, qua điện thoại... báo cáo ban đầu ngay sau khi nhận được để xác nhận về việc đã nhận được thông báo, báo cáo sự cố.
- Thẩm tra, xác minh và phân loại sự cố an toàn thông tin mạng để lựa chọn phương án ứng cứu phù hợp nếu khắc phục được ngay thì trả lời lên phần mềm báo cáo sự cố về thời gian khắc phục và thời gian hoàn thành. Nếu vượt quá khả năng của Tổ Công nghệ thông tin thì đề xuất cấp có thẩm quyền hướng giải quyết.
- Chủ động hỗ trợ ngay các khoa, phòng cần ứng cứu, xử lý sự cố trong khả năng và trách nhiệm của mình, cử viên chức CNTT có mặt tại các khoa, phòng báo cáo sự cố để phối hợp, hướng dẫn, ghi nhận và giải quyết sự cố, trong trường hợp sự cố phức tạp, nguy cơ cao về an toàn thông tin mà không thể hướng dẫn, trao đổi qua điện thoại, email với khoa, phòng gặp sự cố.
- Giám sát diễn biến tình hình ứng cứu sự cố và báo cáo ngay cho Giám đốc đề xuất xin ý kiến chỉ đạo trong trường hợp không thuộc thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm hoặc vượt khả năng xử lý của phòng.
- Tổng hợp báo cáo cơ quan liên quan theo quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Tổ Công nghệ thông tin báo cáo Giám đốc đồng thời thông báo đến các đơn vị liên quan xin hỗ trợ để được hỗ trợ khắc phục các sự cố vượt quá khả năng xử lý.

3. Tiếp nhận thông tin báo cáo sự cố mất an toàn thông tin mạng, sự cố mạng truyền số liệu chuyên dùng tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

Địa chỉ tiếp nhận thông tin, báo cáo sự cố mất an toàn thông tin mạng, thông tin bệnh nhân. sự cố tắc, nghẽn, đứt, không truy cập được của mạng truyền số liệu chuyên dùng trong nội bộ bệnh viện, khoa, phòng, cá nhân thông báo ngay đến địa chỉ: Tổ Công nghệ thông tin là bộ phận làm đầu mối liên lạc ứng cứu an toàn thông tin máy tính trong toàn Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 17. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Luật An ninh mạng.
2. Tự ý đấu nối thiết bị mạng, thiết bị cấp phát thiết bị mạng, thiết bị phát sóng như điểm truy cập mạng không dây của cá nhân vào mạng nội bộ mà không có sự hướng dẫn của Tổ Công nghệ thông tin. Trên cùng một thiết bị thực hiện đồng thời truy cập vào mạng nội bộ và truy cập Internet bằng thiết bị kết nối Internet của cá nhân (modem quay số, USD 3G/4G, điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay).
3. Sử dụng các thiết bị vật lý lưu trữ như USB, ổ cứng di động, thẻ nhớ... để sao chép dữ liệu của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei khi chưa được sự cho phép của Giám đốc.
4. Tự ý thay đổi, gỡ bỏ biện pháp an toàn thông tin cài đặt trên thiết bị CNTT phục vụ công việc. tự ý thay thế, lắp mới, tráo đổi thành phần của máy tính phục vụ công việc.
5. Tạo ra cài đặt, phát tán phần mềm độc hại gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống thông tin.
6. Cản trở hoạt động cung cấp dịch vụ của hệ thống thông tin. ngăn chặn việc truy nhập đến thông tin của cơ quan, cá nhân khác trên môi trường mạng, trừ trường hợp pháp luật cho phép.
7. Bỏ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của cơ quan cá nhân khác trên môi trường mạng.
8. Các hành vi khác làm mất an toàn, bí mật thông tin cơ quan, cá nhân khác được trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

Điều 18. Trách nhiệm của Tổ Công nghệ thông tin

1. Chủ trì tham mưu Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei về công tác bảo đảm an toàn thông tin toàn đơn vị và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei trong việc bảo đảm an toàn an ninh cho các hệ thống thông tin tại đơn vị.
2. Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư, đào tạo về an toàn an ninh thông tin trong Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.
3. Tùy theo mức độ sự cố, phối hợp các khoa, phòng có liên quan hướng dẫn xử lý, ứng cứu các sự cố an toàn thông tin trong đơn vị. Cảnh báo các vấn đề an toàn thông tin tại đơn vị.
4. Quản lý vận hành, hướng dẫn kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng trong đơn vị. Xử lý các vấn đề liên quan sự cố mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ sao lưu dự phòng các thông tin, cơ sở dữ liệu của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei một cách an toàn.

6. Xây dựng quy chế và thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hệ thống thông tin theo quy định.

7. Tuyên truyền và định hướng tuyên truyền, phối hợp tuyên truyền đến các phương tiện truyền thông về công tác bảo đảm an toàn thông tin trong toàn đơn vị.

8. Hàng năm, tổ chức đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin mạng cho viên chức chuyên trách CNTT bảo đảm an toàn thông tin mạng của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

9. Cung cấp, hỗ trợ các khoa phòng thiết bị CNTT soạn thảo và lưu trữ văn bản quan trọng, quản lý, sử dụng bệnh án điện tử đảm bảo tính bảo mật cho người bệnh.

10. Khảo sát triển khai, xây dựng mô hình kết nối mạng nội bộ (LAN) bảo đảm an toàn thông tin chung cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei triển khai thực hiện.

11. Tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm, phối hợp với các khoa, phòng có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ bảo đảm an toàn thông tin mạng, hệ thống thông tin theo cấp độ của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

12. Chủ trì, phối hợp với các khoa, phòng có liên quan tổ chức kiểm tra về an toàn thông tin mạng để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của đơn vị và của pháp luật.

13. Chủ trì phối hợp với Phòng Tổ chức Hành chính - Tài chính Kế toán và các khoa, phòng có liên quan xây dựng kế hoạch và chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm lợi dụng hệ thống thông tin gây phương hại đến an toàn thông tin mạng trong đơn vị.

14. Cử viên chức phối hợp, tham gia kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei. Điều tra và xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về an toàn thông tin mạng theo thẩm quyền được giao.

Điều 19. Trách nhiệm của các khoa, phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

1. Trưởng các khoa, phòng đơn đốc chỉ đạo viên chức thuộc khoa, phòng chấp hành nghiêm Quy chế này và các quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong đơn vị.

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về nội dung an toàn thông tin về Tổ Công nghệ thông tin để tổng hợp báo cáo Giám đốc và xây dựng hướng khắc phục lâu dài.

3. Tuân thủ và bảo đảm an toàn thông tin, đặc biệt là thông tin người bệnh trong ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin mạng nội bộ của đơn vị theo hướng dẫn của Tổ Công nghệ thông tin và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tuyên truyền phổ biến Quy chế này và các quy định khác liên quan đến an toàn thông tin trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị.

Điều 20. Trách nhiệm của viên chức Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

1. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này và các quy định khác của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin và bảo đảm an toàn thông tin trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao.

2. Khi phát hiện sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống thông tin, phải thông báo ngay đến Tổ Công nghệ thông tin để phối hợp xử lý.

3. Các thông tin, tài liệu, văn bản có tính chất quan trọng, phải dự thảo, lưu trữ đúng theo quy định về bảo mật của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei và bảo đảm an toàn thông tin nội bộ đơn vị.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân bên ngoài khi tham gia sử dụng hệ thống thông tin, cung cấp và trao đổi thông tin số với Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

1. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin khi tham gia vào hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

2. Khi phát hiện sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei, phải thông báo ngay với người có thẩm quyền của đơn vị và trực tiếp phối hợp với Tổ CNTT của đơn vị để kịp thời xử lý, khắc phục.

3. Các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ứng dụng CNTT trong Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei chịu sự kiểm tra, giám sát của Tổ Công nghệ thông tin về lĩnh vực an toàn an ninh thông tin trong toàn đơn vị.

Điều 22. Trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp các phần mềm, dịch vụ viễn thông, CNTT và Internet cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei

1. Đầu tư xây dựng, trang bị hạ tầng kỹ thuật đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Thông tin y tế quốc gia - Bộ Y tế về an toàn thông tin và các nội dung quy định tại Quy chế này.

2. Các đơn vị cung cấp các sản phẩm ứng dụng CNTT cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Tổ Công nghệ

thông tin để tham gia các hoạt động, ứng cứu, khai thác sử dụng dịch vụ tại đơn vị.

3. Các đơn vị viễn thông như VNPT, Viettel,...:

a) Bảo đảm trách nhiệm hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei, bảo đảm mạng truyền số liệu chuyên dùng cung cấp cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei được thông suốt, ổn định.

b) Khắc phục sự cố xảy ra mà thời gian xử lý yêu cầu không vượt quá 4 giờ kể từ thời điểm nhận được thông tin sự cố.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trưởng các phòng chức năng, các khoa chuyên môn thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 24. Phòng Tổ chức Hành chính – Tài chính Kế toán phối hợp Tổ Công nghệ thông tin ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đắk Glei.

Điều 25. Tổ Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp các khoa, phòng và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Trong suốt quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các khoa, phòng kịp thời báo cáo về Tổ Công nghệ thông tin để tổng hợp, trình Giám đốc xem xét, quyết định./.